TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Dũng;

2. Ông Đặng Văn Dúng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2017/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy A, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm: 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Thúy A trình bày:

Vào năm 2015 chị kết hôn với anh Bùi Văn K và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/8/2015.

Trong quá trình sống chung có một người con chung tên Bùi Lê Thảo V, sinh ngày 29/4/2016 và hiện đang sống với chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh Bùi Văn K không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống cho mẹ con chị. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân gia đình không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 05 năm 2016 đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với Anh Bùi Văn K.

Về con chung: Bùi Lê Thảo V, sinh ngày 29/4/2016, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu Anh Bùi Văn K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Bùi Văn K trong quá trình giải quyết vụ án anh K đều vắng mặt không có lý do, nhưng tại biên bản tiếp xúc vào ngày 27 tháng 02 năm 2018 ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị Ph là cha, mẹ của anh Bùi Văn K cho biết:

Anh Bùi Văn K và chị Lê Thị Thúy A có kết hôn và trong quá trình chung sống thì anh K với chị A có một người con chung tên Bùi Lê Thảo V, sinh ngày 29/4/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị A yêu cầu ly hôn là vào tháng 04/2016 lúc chị A chuẩn bị sinh con thì mẹ ruột của chị A xuống rước chị A về để lo cho chị A sinh con. Sau khi chị A sinh con xong thì gia đình anh K có lên rước nhưng bên gia đình chị A không đồng ý cho rước về. Kể từ đó chị A và anh K không còn sống chung với nhau cho đến nay. Đối với các văn bản tố tụng Tòa án tống đạt cho anh K thì ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị P có nhận thay, có báo và giao lại cho anh K nhưng do anh K thường xuyên đi làm sà lan chở cát, đá nên không về tham gia giải quyết vụ án được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì thêm. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Thúy A và anh Bùi Văn K đã trầm trọng. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy A về việc yêu cầu ly hôn và giao con chung tên Bùi Lê Thảo V cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Lê Thị Thúy A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Bùi Văn K, anh K có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Anh Bùi Văn K là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên Tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ 02 lần vào các ngày 16/3/2018 và ngày 29/3/2018 nhưng ông Kiệt vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thúy A với anh Bùi Văn K xác lập quan hệ vợ chồng vào ngày 28/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Lê Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với Anh Bùi Văn K, vì chị A cho rằng quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do Anh Bùi Văn K không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống cho mẹ con chị, thường xuyên cự cải. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân gia đình không còn hạnh phúc nữa. Tại phiên tòa hôm nay, chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hòa hợp, nên bà yêu cầu ly hôn với anh K là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở các phiên hòa giải để tạo điều kiện cho chị A và anh K gặp nhau cùng tháo gỡ những mâu thuẫn của vợ chồng nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, đến khi mở phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh K đều vẫn vắng mặt không có lý do,

coi như anh K không còn thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ các cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thúy A với anh Bùi Văn K.

[2.2] *Về con chung*: Chị Lê Thị Thúy A với anh Bùi Văn K có 01 người con chung tên Bùi Lê Thảo V, sinh ngày 29/4/2016. Điều này phù hợp với giấy khai sinh của cháu Vy. Nên có cơ sở xác định cháu Vy là con chung của chị A và anh K.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị Lê Thị Thúy A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Lê Thảo V và hiện tại Bùi Lê Thảo V còn dưới 36 tháng tuổi. Xét lời trình bày tại biên bản tiếp xúc ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị P vào ngày 27/02/2018 thì cũng nêu ý kiến của anh K là đồng ý giao con chung tên Bùi Lê Thảo V cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bùi Lê Thảo V đang sống với chị Lê Thị Thúy A, về nguyên tắc con chung dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thúy A, giao con chung Bùi Lê Thảo V cho chị Lê Thị Thúy A được trược tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng Tòa án có giải thích cho đương sự biết theo quy định pháp luật, nhưng chị Lê Thị Thúy A không yêu cầu Anh Bùi Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Lê Thảo V nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Thúy A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy A là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy A.

[3] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thúy A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy A, cho chị Lê Thị Thúy A được ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung: Bùi Lê Thảo V, sinh ngày 29/4/2016, giao cho chị Lê Thị Thúy A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng Tòa án cho giải thích cho đương sự biết theo quy định pháp luật, nhưng chị Lê Thị Thúy A không yêu cầu anh Bùi Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Lê Thảo V nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thúy A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thúy A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngản đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngản đồng) tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015466 ngày 21 tháng 12 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Anh Bùi Văn K không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Ngô Thị Kim Châu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TP Trà Vinh
- Chi cục THADS. TP Trà Vinh
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (...)